

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Số: 16/2009/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cần Thơ, ngày 09 tháng 12 năm 2009

NGHỊ QUYẾT

VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ QUYẾT SỐ 83/2006/NQ-HĐND NGÀY 13 THÁNG 12 NĂM 2006 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA VII - KỲ HỌP THỨ MƯỜI BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003; Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí do Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo Tờ trình số 85/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 83/2006/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc quyết định danh mục và mức thu phí, lệ phí;

Sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế và ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

Sửa đổi, bổ sung mục II, phần A Danh mục và mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 83/2006/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân thành phố đối với mức thu phí đo đạc, lập bản đồ địa chính, như sau:

Số TT	DANH MỤC	MỨC THU (đồng/m ²)
I	Khu đô thị, thị trấn, thị tứ	
1	Đối với tỷ lệ 1/200 - Đất thổ cư có nhà - Đất thổ cư không có nhà	1.000 1.000
2	Đối với tỷ lệ 1/500 - Đất thổ cư có nhà - Đất thổ cư không có nhà - Đất nông nghiệp	1.000 892 605

	- Đất chuyên dùng	742
3	Đối với tỷ lệ 1/1.000	
	- Đất thổ cư có nhà	470
	- Đất thổ cư không có nhà	388
	- Đất nông nghiệp	313
	- Đất chuyên dùng	388
4	Đối với tỷ lệ 1/2.000	
	- Đất thổ cư	94
	- Đất nông nghiệp	69
	- Đất chuyên dùng	78
II	Khu vực nông thôn	
1	Đối với tỷ lệ 1/500	
	- Đất thổ cư	742
	- Đất nông nghiệp	520
	- Đất chuyên dùng	605
2	Đối với tỷ lệ 1/1.000	
	- Đất thổ cư	313
	- Đất nông nghiệp	210
	- Đất chuyên dùng	313
3	Đối với tỷ lệ 1/2.000	
	- Đất thổ cư	94
	- Đất nông nghiệp	69
	- Đất chuyên dùng	78
	- Đất hoang	69
4	Đối với tỷ lệ 1/5.000	
	- Đất thổ cư	37
	- Đất nông nghiệp	33
	- Đất chuyên dùng	33
	- Đất hoang	33
	- Đất lâm nghiệp	33

Điều 2.

Căn cứ vào mức thu phí đo đạc, lập bản đồ địa chính quy định tại Điều 1 Nghị quyết này, giao Ủy ban nhân dân thành phố hướng dẫn việc thu nộp, quản lý, sử dụng và quy định cụ thể tỷ lệ phần trăm trích lại cho đơn vị thu phí theo đúng quy định của pháp luật.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tăng cường giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực sau mười ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa VII, kỳ họp thứ mười bảy thông qua và được phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật./.

CHỦ TỊCH
Nguyễn Tấn Quyền

